

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HS-ST
Ngày: 19/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bích Huệ

Bà Hà Thị Minh Quế

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái:** Ông Nguyễn Cao Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T sinh ngày 15 tháng 5 năm 1993. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức D và bà Cầm Thị K; có vợ là Hà Thị C (đã ly hôn) và 02 người con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/01/2024 bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Mua các số lô, đề trái phép theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 07/QĐ-ĐCSHS. Ngày 20/6/2024 bị Công an xã Đ, huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 04/QĐ-XPHC. (02 Quyết định này đã thi hành xong). Ngày 24/3/2025 bị Công an xã Đ, huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 02/QĐ-XPHC. Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/3/2025, tạm giam ngày 20/3/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Y - Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Mai Hoàng L sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị H sinh năm 2001. Nơi cư trú: Tổ dân phố số E, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

Ông Nguyễn Đức D sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 13/3/2025 Nguyễn Đức T đi bộ một mình đến nhà anh Mai Hoàng L ở cùng thôn. Thấy cửa nhà anh L không khóa, không có ai ở nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào trong nhà thấy 01 (một) chiếc điện thoại di động iPhone 6s màu hồng, màn hình cảm ứng của anh L đang cắm sạc ở trên giường tại buồng ngủ, T dùng tay tháo sạc rồi cắm điện thoại cho vào túi quần. T tiếp tục quan sát xung quanh phòng ngủ thì thấy cánh cửa tủ gỗ bên phải mở hé, chìa khóa cắm ở ổ khóa. T mở cánh tủ và lục lọi thì thấy có 01 (một) dây chuyền bạc nam đeo cổ, loại bạc trắng, chế tác dạng đốt trúc và 01 (một) lắc bạc nam đeo tay, loại bạc trắng, chế tác dạng xích nên đã lấy cho vào túi quần. Sau đó T đi về nhà cất giấu chiếc điện thoại di động iPhone 6s màu hồng, màn hình cảm ứng vào tủ quần áo, rồi mang dây chuyền bằng bạc, lắc bằng bạc vừa trộm cắp được đến cửa hàng V ở tổ dân phố số E, thị trấn M, huyện V bán cho chị Nguyễn Thị H (là nhân viên cửa hàng) với giá 6.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị H, T đi ra khu vực cầu M thuộc tổ dân phố số F, thị trấn M, huyện V mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng và sử dụng hết một mình. Số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết 3.700.000 đồng, còn 1.800.000 đồng T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra cùng chiếc điện thoại di động iPhone 6s màu hồng.

Phát hiện mất tài sản, ngày 17/3/2025 anh Mai Hoàng L đã có đơn trình báo đến Cơ quan công an. Anh Mai Hoàng L trình bày ngoài bị mất các tài sản là: 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s màu hồng, 01 (một) dây chuyền bạc nam đeo cổ, loại bạc trắng, chế tác dạng đốt trúc và 01 (một) lắc bạc nam đeo tay, loại bạc trắng, chế tác dạng xích, anh L còn bị mất 01 (một) nhẫn bạc nam, loại bạc trắng, đính mặt đá hình bầu dục màu đen và số tiền 10.000.000 đồng. Nguồn gốc các trang sức bằng bạc trên, anh L mua của anh Đỗ Văn T1 sinh năm 1992 trú tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận:

"1. Một dây chuyền bạc nam đeo cổ, 06 "cây", loại bạc trắng, chế tác dạng đốt trúc, đã qua sử dụng. Ngày 13/3/2025. Giá trị của tài sản là 4.600.000 đồng. (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Một lắc bạc nam đeo tay, 02 "cây", loại bạc trắng, chế tác dạng xích, đã qua sử dụng. Ngày 13/3/2025. Giá trị của tài sản là 1.533.333 đồng. (Một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Một nhẫn bạc nam, loại bạc trắng, 03 "chỉ", đính mặt đá hình bầu dục màu đen, kích thước 1x0,8cm, đã qua sử dụng. Ngày 13/3/2025. Giá trị của tài sản là 308.333 đồng. (Ba trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

4. Một điện thoại di động iPhone 6S, màu hồng, đã qua sử dụng. Ngày 13/3/2025. Giá trị của tài sản là: 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng)."

Tiến hành triệu tập làm việc anh Đỗ Văn T1 trình bày chỉ bán cho anh L 01 dây chuyền bạc nam đeo cổ và 01 lắc bạc nam đeo tay, ngoài ra không bán cho anh

L trang sức bằng bạc nào khác. Quá trình điều tra, anh L đã tìm thấy tài sản là: 01 (một) nhẫn bạc nam, loại bạc trắng, đính mặt đá hình bầu dục màu đen và số tiền 10.000.000 đồng nên không có yêu cầu, đề nghị gì về nội dung này.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-VY ngày 26/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có tài sản và không có nghề nghiệp thu nhập ổn định. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về vật chứng vụ án: 01 (một) dây chuyền bạc nam đeo cổ, 06 "cây", loại bạc trắng, chế tác dạng đốt trúc; 01 (một) lắc bạc nam đeo tay, 02 "cây", loại bạc trắng, chế tác dạng xích. Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H khai đã bán cho một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể vào ngày 13/3/2025 nên Cơ quan điều tra không thu giữ được; 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s màu hồng và số tiền 1.800.000 đồng đã được Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 897/QĐ-VPCQCSĐT ngày 29/4/2025 trả lại cho anh Mai Hoàng L.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Mai Hoàng L đã nhận được số tiền 1.800.000 đồng từ Cơ quan điều tra và số tiền 4.300.000 đồng từ ông Nguyễn Đức D (bố đẻ của bị cáo Nguyễn Đức T). Anh L không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự đối với bị cáo. Ông Nguyễn Đức D không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T phải hoàn trả số tiền 4.300.000 đồng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về phần dân sự trong vụ án.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Y và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở của anh Mai Hoàng L vào khoảng 14 giờ ngày 13/3/2025 tại thôn G, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái bị cáo Nguyễn Đức T đã trộm cắp 01 (một) dây chuyền bạc nam đeo cổ 06 "cây" loại bạc trắng, chế tác dạng đốt trúc; 01 (một) lắc bạc nam đeo tay 02 "cây" loại bạc trắng, chế tác dạng xích và 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s màu hồng, màn hình cảm ứng có tổng giá trị theo kết luận định giá là 6.733.333 đồng (Sáu triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) của anh Mai Hoàng L. Sau đó T đi xuống tổ dân phố số E, thị trấn M, huyện V bán cho chị Nguyễn Thị H 01 dây chuyền bạc và 01 lắc bạc được số tiền 6.000.000 đồng rồi mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết 4.200.000 đồng. Số tiền 1.800.000 đồng còn lại và 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s màu hồng T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Hành vi này của bị cáo Nguyễn Đức T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 21/CT-VKS-VY ngày 26/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng. Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là người nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải đưa bị cáo ra xử lý bằng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 30/01/2024 bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Mua các số lô, đề trái phép theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 07/QĐ-ĐC SHS. Ngày 20/6/2024 bị Công an xã Đ, huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 04/QĐ-XP HC. Ngày 24/3/2025 bị Công an xã Đ, huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 02/QĐ-XP HC.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo đã tác động bố đẻ là ông Nguyễn Đức D bồi thường thiệt hại số tiền 4.300.000 đồng cho bị hại anh Mai Hoàng L; Bị hại anh Mai Hoàng L có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy cần xử phạt bị cáo một hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ của tội phạm. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng ...*”. Bị cáo Nguyễn Đức T là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản và thu nhập không ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị H là người đã mua 01 (một) dây chuyền bạc nam đeo cổ và 01 (một) lắc bạc nam đeo tay của bị cáo Nguyễn Đức T, nhưng chị H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý chị H là phù hợp.

[9] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo T tại khu vực cầu M thuộc tổ dân phố số F, thị trấn M, huyện V quá trình điều tra bị cáo T khai không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, nên cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xác minh, điều tra xử lý đối với người đàn ông này.

[10] Về vật chứng của vụ án: 01 (một) dây chuyền bạc nam đeo cổ 06 "cây", loại bạc trắng, chế tác dạng đốt trúc; 01 (một) lắc bạc nam đeo tay 02 "cây", loại bạc trắng, chế tác dạng xích. Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H khai đã bán cho một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể vào ngày 13/3/2025 nên Cơ quan điều tra không thu giữ được; 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s màu hồng và số tiền 1.800.000 đồng đã được Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 897/QĐ-VPCQCSĐT ngày 29/4/2025 trả lại cho anh Mai Hoàng L.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Anh Mai Hoàng L đã nhận được số tiền 1.800.000 đồng từ Cơ quan điều tra và số tiền 4.300.000 đồng từ ông Nguyễn Đức D (bố đẻ của bị cáo Nguyễn Đức T). Anh L không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự đối với bị cáo. Ông Nguyễn Đức D không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T phải hoàn trả số tiền 4.300.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét về phần dân sự trong vụ án.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17/3/2025.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- Công an tỉnh Yên Bái
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái
- Trại giam Công an tỉnh Yên Bái
- VKSND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Văn Yên
- THADS huyện Văn Yên
- THA phạt tù (02)
- Bị cáo (01)
- Bị hại (01)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (02)
- Lưu HSVA - TQĐ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng